

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+TD1	7:25	6+15	0+0		2+20	0+0	
2		CLO+RP1	7:25	18+4	0+0		16+6	0+0	
3		TTC3+BK10+P10	7:25	0+6+12	0+0+0		0+5+17	0+0+0	chuyen 4 ttc3-bk10
4		P3+TD3+P9	9:25	1+4+16	0+0+0		0+4+17	0+0+0	chuyen 1 p3-td3
5		P2+RC4+BK16	9:25	22+0+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	chuyen 1 p2-rc4
6		P10+TD2+CLO	9:25	17+3+1	0+0+0		13+2+7	0+0+0	
7		CTK3+CNV+P11	11:25	0+0+16	0+0+0		3+0+19	0+0+0	chuyen 2 ctk3-cnv
8		P9+CTK3	11:25	10+10	0+0		7+15	0+0	
9		BK3+BK4+P1	13:25	10+3+1	0+0+0		10+7+5	0+0+0	
10		P5+P10+CTK3	13:25	14+0+0	0+0+0		6+5+11	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2024	TO: BK4 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - MTOAN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TRƯỜNG SA	BK4						70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO TRUNG KIẾN	BK4	58	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG ĐÌNH QUẾ	BK4						89	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	BK4	62	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4						70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỒNG VĂN THỊNH	BK4	59	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
7	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1				7	110	112	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN NHƯ BÀNG	TD1	79-80	2	15			58	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HIẾU	TD1	72-73	2	10			76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DANH QUY	TD1						75	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH XUÂN HOÀ	TD1	71	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN DUY	TD1	77-78	2	9			67	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN HOÀN	TD1	74	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	95	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
15	MAI XUÂN TÙNG	TD1	76	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM MINH THẮNG	TD1	700	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	96-97	2	9			74	KHOAN	Vietnamese
18	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	99	1	12			74	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ BA CHIẾN	TD1	98	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
20	HOÀNG XUÂN THỊ	TD1	75	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC THẮNG	TD1	94	1	12			60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK4	6	462	3	14	0	0	2		
2	TD1	15	1.112	17	104	7	110	20		
TOTAL		21	1.574	20	118	7	110	22		
WEIGHT KG			1.574		118		110			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2024	TO: CLO - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SON - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN HUNG	CLO	62	1	4	1	14	69	KHOAN	Vietnamese
2	VLASOV ALEKSANDR	CLO	49	1	6			95	KHOAN	Russian
3	NGUYEN VAN TRUNG	CLO	51	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
4	VU THE NANG	CLO	60	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN BAC	CLO	59	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN LONG	CLO	55	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG NHAT	CLO	50	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN CHIEN THANG	CLO	52	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
9	DO HUY BINH	CLO	63	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUU HOANG QUAN	CLO	64	1	7			58	KHOAN	Vietnamese
11	NGO VAN SON	CLO	61	1	10			85	KHOAN	Vietnamese
12	MAI THE HIEN	CLO	58	1	12			87	KHOAN	Vietnamese
13	DUONG QUOC VIET	CLO	66	1	9			61	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TINH	CLO	57	1	14			84	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG KIEN	CLO	56	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
16	DO NGUYEN GIAP	CLO	53-54	2	13			78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN BA HUNG	CLO	65	1	6			80	DVL	Vietnamese
18	BUI BACH DUONG	CLO	67-68	2	20			71	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN THANH BINH	RP1	96	1	4	1	15	71	PSV	Vietnamese
20	PHAM DINH VAN	RP1	93-94	2	12			82	PSV	Vietnamese
21	TRAN VAN TU	RP1	99	1	9			65	DUY LINH	Vietnamese
22	HUYNH DUC VU	RP1	97-98	2	19			76	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	18	1.332	20	142	1	14	16		
2	RP1	4	294	6	44	1	15	6		
TOTAL		22	1.626	26	186	2	29	22		
WEIGHT KG			1.626		186		29			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2024	TO: TTC3 - BK10 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - N.CƯƠNG -	ETA: 09:30
VANG-1		THÀNH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	18	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10						80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HOANG GIANG	BK10	14	1	5	3	43	73	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG LƯU	BK10	19-20	2	14	3	50	64	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HỒNG CUƠNG	BK10	15-17	3	20			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	21	1	4			72	PSV	Vietnamese
7	K LỘC	P10	40	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH KHOA	P10	42	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BAO LÂM	P10	45	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10						81	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ BAO AN	P10	36	1	15	2	21	78	KH-THAC	Vietnamese
12	KRAPIVKA V.	P10	39	1	4			91	KH-THAC	Russian
13	MORDIASHOV C.	P10	38	1	5			80	KH-THAC	Russian
14	LÊ TUẤN ANH	P10	41	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	P10	44	1	6			51	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH TRUNG	P10	46	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN HÙNG	P10	43	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC3	0	0	0	0	0	0	0	4	CHUYEN 4 PAX TU TTC3 SANG BK10
2	BK10	6	444	8	47	6	93	5		
3	P10	11	799	10	67	2	21	17		
TOTAL		17	1.243	18	114	8	114	22		
WEIGHT KG			1.243		114		114			

GRAND TOAL: 1.471 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2024	TO: P3 - TD3 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - TOAN	ETA: 11:40
XANH - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGO VAN GIAO	P3	76	1	9			91	PSV	Vietnamese
2	TELESHENKO IVAN	TD3	40	1	19			122	KHOAN	Russian
3	TRAN TRUNG	TD3	36-37	2	17			65	NHA THAU	Vietnamese
4	VU TIEN THANH	TD3				2	30	80	NHA THAU	Vietnamese
5	DANG HUU MANH	TD3	38-39	2	7			73	BIEN DONG	Vietnamese
6	AKOPOV DAVID	P9	54	1	7			87	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN MANH HUNG	P9	50	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO DUC MINH	P9	53	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MANH THANG	P9	51,45	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VIET THANG	P9	64	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
11	LE MINH THUY	P9				2	30	77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEU	P9	61-62	2	11			67	YTE	Vietnamese
13	TRAN THANH HAI	P9	60	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN DUY	P9	58-59	2	8			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET CUONG	P9	52	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
16	HO SI BINH	P9	57	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN BANG	P9	49	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN DUNG	P9	55	1	3			54	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NGUYEN MANH TUONG	P9	48	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI NGOC THAN	P9	44	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO AN CHUNG	P9	56	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	1	91	1	9	0	0	0	1	CHUYEN 1 PAX P3-TD3
2	TD3	4	340	5	43	2	30	4		
3	P9	16	1.144	18	92	2	30	18		
TOTAL		21	1.575	24	144	4	60	22		
WEIGHT KG			1.575		144		60			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2024	TO: P2 - RC4 - BK16	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SON - MQUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN TUẤN	P2	50-51	2	14	3	40	59	KHI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐẶNG	P2	31-32	2	22	3	55	67	KHI	Vietnamese
3	LƯƠNG KHANH TOÀN	P2	46	1	7			72	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HÙNG	P2	29	1	6			69	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNG HAI NAM	P2	33-34	2	22			62	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOÀNG	P2	30	1	9			74	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ ANH	P2	47	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẦN ĐĂNG TUẤN	P2	35	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN ĐIỆP	P2	59	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P2	53	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ THANH LONG	P2	48	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG ĐỨC LINH	P2	39-40	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	56	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HỮU BẢO	P2	52	1	9			95	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	43	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ VĂN TRUNG	P2	41	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG HOÀNG HIẾU	P2	42	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	44	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	P2	58	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH HẢI	P2	45	1	11			60	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẦN DUY LONG	P2	54-55	2	18			59	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG QUANG LỘC	P2	57	1	15			62	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	22	1.566	27	217	6	95	19	3	CHUYEN 3 PAX P2-RC4
2	RC4	0	0	0	0	0	0	0		
3	BK16	0	0	0	0	1	20	3		
TOTAL		22	1.566	27	217	7	115	22		
WEIGHT KG			1.566		217		115			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

[Handwritten signatures for VSP REP. and VNH REP.]

[Handwritten signature for CAPTAIN]

phải quay lại trạm và P2 K^o 12/11/2024



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2024	TO: P10 - TD2 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG -	ETA: 11:50
TRANG-2		THÀNH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ QUÝ TOÀN	P10	32	1	10	2	37	68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P10	23	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	18	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC BA	P10	20	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BẢO TRUNG	P10	48	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CHI HIỆU	P10	19	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC THANH	P10	17	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LỢI	P10	49	1	9	1	19	62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	29-30	2	10			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	27	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	28	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	22	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	21	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	24	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM QUỐC CƯỜNG	P10	31	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	33	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH THỤ	P10	25-26	2	9			70	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HAU	P10	34,47	2	14			89	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN NGHĨA	TD2	94	1	17			85	DVL	Vietnamese
20	LÊ PHÚ PHÚC	TD2	97	1	10			84	DVL	Vietnamese
21	LƯU BA XỐ	TD2	95-96	2	12			83	DVL	Vietnamese
22	NGO TRI HOANG	CLO	70	1	9	2	54	69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	18	1.284	21	120	3	56	13		
2	TD2	3	252	4	39	0	0	2		
3	CLO	1	69	1	9	2	54	7		
TOTAL		22	1.605	26	168	5	110	22		
WEIGHT KG			1.605		168		110			

GRAND TOAL: 1.883 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2024	TO: CTK3 - CNV - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: N.ANH - QVIỆT - NNAM	ETA: 14:00
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN QUI	P11	45	1	6	2	40	61	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HÀ	P11	51	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	49	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THIỆN THANH	P11	44	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VIỆT DŨNG	P11	43	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	46-47	2	8			60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NHAN	P11	96-97	2	17			57	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	39	1	9			103	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	50	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HUNG	P11	42	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN MINH	P11	79	1	18			84	T-TIN	Vietnamese
12	ĐINH XUÂN TOÀN	P11	37-38,41	3	20			62	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHAN	P11	48	1	7			76	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HAI TRUNG	P11	77	1	4			70	PSV	Vietnamese
15	BUI VĂN KỊCH	P11	98	1	5			60	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN CHÍ HIỆU	P11	78	1	7			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	0	0	0	0	4	80	372		CHUYEN 2 PAX CTK3-CNV
2	CNV	0	0	0	0	0	0	0		
3	P11	16	1.140	20	131	2	40	19		
TOTAL		16	1.140	20	131	6	120	22		
WEIGHT KG			1.140		131		120			

GRAND TOAL: 1.391 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2024	TO: P9 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN CAO CHI	P9	36	1	5	1	2	57	KH-THAC	Vietnamese
2	NGHIEM ANH THANH	P9	38-39	2	20			66	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN TU	P9	42	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN HAI	P9	37	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN TUNG	P9	35	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
6	HO NAM TRUNG	P9	31-32	2	13			85	KH-THAC	Vietnamese
7	TA TIEN MANH	P9	33-34	2	14			58	KH-THAC	Vietnamese
8	VU DINH THUAN	P9	41	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
9	LE XUAN HIEN	P9	43	1	12			61	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN KHANH	CTK3	46-47	2	8	4	41	71	BIEN DONG	Vietnamese
11	MAI VAN PHONG	CTK3	53-54	2	10	3	55	56	BIEN DONG	Vietnamese
12	TONG NGUYEN NAM	CTK3	57-58	2	15			82	BIEN DONG	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DOAN	CTK3	50-51	2	18			50	BIEN DONG	Vietnamese
14	NGUYEN VIET HUNG	CTK3	55-56	2	11			65	BIEN DONG	Vietnamese
15	THIEU DINH TRUNG	CTK3	52	1	9			63	BIEN DONG	Vietnamese
16	VO DINH HUNG	CTK3	59-60	2	19			63	BIEN DONG	Vietnamese
17	TRAN VIET TUAN	CTK3	99	1	7			61	BIEN DONG	Vietnamese
18	BUI ĐỨC HẬU	CTK3	49	1	9			62	CODIEN	Vietnamese
19	ĐO ĐỨC ANH	CTK3	48	1	11			81	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	9	608	12	84	1	2	6		
2	CTK3	10	654	16	117	7	96	16		
TOTAL		19	1.262	28	201	8	98	22		
WEIGHT KG			1.262		201		98			

GRAND TOAL: 1.561 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2024	TO: BK3 - P1 - BK4	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: N.ANH - QVIỆT - NNAM	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOÀNG VĂN THAI	BK3	790	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN THUY	BK3	87	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG VIET HOP	BK3	98-99	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO TUAN HUNG	BK3	792	1	7	5	90	54	KH-THAC	Vietnamese
5	LE HUNG CUONG	BK3	97	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
6	DAO DUC THAI	BK3	788-789	2	22			92	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN VUONG	BK3	90	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SOAI	BK3	89	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN LINH	BK3	791	1	5			69	PSV	Vietnamese
10	LE DUC THIEN	BK3	91	1	6			64	PSV	Vietnamese
11	LE VAN VIET	P1	90	1	3			68	PSV	Vietnamese
12	PHAN VINH TRUONG	BK4	60	1	10			70	DVL	Vietnamese
13	PHUONG THE TRUNG*	BK4	61	1	12	3	55	68	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAM XUAN MANH	BK4	54	1	4			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK3	10	701	12	85	5	90	10		
2	P1	1	68	1	3	0	0	5		
3	BK4	3	205	3	26	3	55	7		
TOTAL		14	974	16	114	8	145	22		
WEIGHT KG			974		114		145			

GRAND TOAL: 1.233 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2024		TO: P5 - P10 - CTK3			AIRCRAFT: 406			ETD: 14:35		
FLIGHT: 10		FROM: VT			CREW: HÙNG - M.ĐỨC - DTÙNG			ETA: 16:25		
VANG-4										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM MINH TÂM	P10	59	1	5			61	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG PHÚC ANH	P10	62	1	5			58	PSV	Vietnamese
3	LÊ VĂN LỢI	P10	67-69	3	18			63	VŨ GIA	Vietnamese
4	PHAN VĂN LÊ	P10	72-74	3	18			68	VŨ GIA	Vietnamese
5	TRẦN THIÊN SƠN	P10	28	1	9			63	SINH HUNG	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THỌ	P10	66	1	7			55	SINH HUNG	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HÒA	P10	55	1	10			57	SINH HUNG	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	P10	60	1	5			57	SINH HUNG	Vietnamese
9	VŨ VĂN LỢI	P10	61	1	9			65	SINH HUNG	Vietnamese
10	MAI ỨT QUI	P10	64	1	5			49	SINH HUNG	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN BÌNH	P10	53-54	2	10			70	SINH HUNG	Vietnamese
12	LÊ MINH CHUÔNG	P10	56-57	2	10			70	SINH HUNG	Vietnamese
13	TRẦN VŨ ĐỨC	P10	63-64	2	11			71	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN KHANH	P10	70-71	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	0	0	0	0	0	0	5		
2	P10	14	870	22	141	0	0	6		
3	CTK3	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		14	870	22	141	0	0	22		
WEIGHT KG			870		141		0			

GRAND TOAL: 1.011 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD	7:25	22	0		22	0	
2		TD2+VSP01	7:25	21+1	0+0		14+8	0+0	
3		TD5+P1+PPD	7:25	8+4+8	0+0+0		0+5+15	0+0+0	CHUYEN 4 P1-PPD
4		RP3+RCDM+RC10	9:25	21+1	0+0		18+1	0+0	
5		BK9+P4	9:25	4+18	0+0		0+21	0+0	
6		RP2+TD2+P10	9:25	14+8+0	0+0+0		8+8+6	0+0+0	CHUYEN6 RP2-TD2
7		AMD+P4+TD3	9:25	20+2	0+0		16+5+1	0+0	
8		T.UNG	11:00	18	0		19	0	
9		PPD+BK8	11:25	21+0	0+0		10+10	0+0	
10		RP3+RP2+BK3	11:25	13+9+0	0+0+0		0+13+8	0+0+0	
11		TGTH1+AMD	14:25	4+14	0+0		4+14	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HÙNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 09:25
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN LONG	PPD	600	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ CHUNG KIEN	PPD	83	1	3			59	KHI	Vietnamese
3	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	94	1	4			72	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	89	1	5			74	KHI	Vietnamese
5	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	88	1	5			71	KHI	Vietnamese
6	VU VĂN TRIỆU	PPD	86	1	7			80	KHI	Vietnamese
7	NGÔ SY THANH	PPD	96	1	6	7	130	92	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	84	1	6			64	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	81-82	2	10			77	KHI	Vietnamese
10	OKOVANTSEV G.F	PPD	97-98	2	21			120	KHI	Russian
11	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	49	1	3			67	KHI	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	90	1	3			56	KHI	Vietnamese
13	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	95	1	6			74	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG HIÊN	PPD	78	1	3			56	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	80	1	6			69	KHI	Vietnamese
16	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	91	1	6			64	KHI	Vietnamese
17	LÊ TRUNG LÂN	PPD	92	1	3			75	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	77	1	3			74	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	87	1	4			76	KHI	Vietnamese
20	TRƯƠNG HẢI HÀ	PPD	79	1	5			70	KHI	Vietnamese
21	LÊ THANH TRUNG	PPD	93	1	4			65	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	85	1	6			75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	22	1.603	24	124	7	130	22		
TOTAL		22	1.603	24	124	7	130	22		
WEIGHT KG			1.603		124		130			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2024	TO: TD2 - VSP01	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 09:30
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ THAI SƠN	TD2	73-74	2	15	4	70	80	VIỆN DK VI	Vietnamese
2	LÊ THỊ HỒNG GIANG	TD2	77	1	12			54	VIỆN DK VI	Vietnamese
3	NGUYỄN THỊ HOA	TD2	75-76	2	14			53	VIỆN DK VI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HAI	TD2	67	1	3			86	KHOAN	Vietnamese
5	GONCHAROV SERGEY	TD2	91	1	10			80	KHOAN	Russian
6	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	92	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
7	LY ANH TUẤN	TD2	69	1	6			92	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN HÙNG HÙNG	TD2	66	1	5			90	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ ANH QUÂN	TD2	97-98	2	9			74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	TD2	78-79	2	16			74	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HAI	TD2	96	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
12	CAO VĂN LỢI	TD2	65	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HAI-92	TD2	99	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
14	TRỊNH DUY THANH	TD2	68	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD2	80-81	2	14			69	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ XUÂN THĂNG	TD2	70-71	2	21			79	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD2	72	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD2	82	1	11			80	KHOAN	Vietnamese
19	MAI NHÂN DƯƠNG	TD2	93-94	2	17			72	PVDWS	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN TUÔNG	TD2	95	1	14			68	PVDWS	Vietnamese
21	DƯƠNG CHÍ CÔNG	TD2	90	1	6			85	CÔNG TY V	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01	58	1	6			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	21	1.592	28	205	4	70	14		
2	VSP01	1	76	1	6	0	0	8		
TOTAL		22	1.668	29	211	4	70	22		
WEIGHT KG			1.668		211		70			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2024	TO: TD5 - P1 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - HIẾU	ETA: 09:40
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐÌNH SUNG	TD5	54	1	6	3	60	72	SEAMAP	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC HÙNG	TD5	55	1	7			74	SEAMAP	Vietnamese
3	KARAVKA IVAN	TD5	51	1	10			113	KHOAN	Russian
4	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	52	1	5			101	KHOAN	Russian
5	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	50	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
6	HÀ THANH TÙNG	TD5	48	1	6			87	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	49	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
8	SEREBROV IGOR	TD5	53	1	10			81	VTB	Russian
9	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	P1	91-92	2	11	2	35	85	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN PHAN	P1	95	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY LINH	P1	93	1	8			93	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC THÀNH	P1	94	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ XUÂN SƠN	PPD	65	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO ĐỨC VỌNG	PPD						66	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VĂN THẮNG	PPD	64	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI NANG PHONG	PPD	67	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ SỸ KHOA	PPD						78	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	68-69	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN VINH	PPD	63	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	66	1	6	2	17	67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	8	672	8	54	3	60	0		
2	P1	4	318	5	32	2	35	5		Chief 4 pax
3	PPD	8	578	7	31	2	17	15		P1-PPD
TOTAL		20	1.568	20	117	7	112	20		
WEIGHT KG			1.568		117		112			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2024	TO: RP3 - RCDM - RC10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - THỤ	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUBOV A.V.	RP3	02	1	6			96	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	03	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
3	KHARITONOV YURY	RP3	01	1	6			78	KHI	Russian
4	PHẠM VĂN KY	RP3	15	1	3			64	KHI	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	16	1	6			82	KHI	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	21	1	8			83	KHI	Vietnamese
7	VU MẠNH CUONG	RP3	20	1	14			71	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC CUONG	RP3	06	1	6			82	KHI	Vietnamese
9	PHẠM HOANG NGUYEN	RP3	07	1	4			68	KHI	Vietnamese
10	VÔ ĐÓN LONG	RP3	10	1	5			77	KHI	Vietnamese
11	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	11	1	5	1	45	79	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	17	1	3			64	KHI	Vietnamese
13	TẠ PHI KHANH	RP3						75	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUONG	RP3						77	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NAM	RP3	22-23	2	11			67	KHI	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN THANH	RP3	04-05	2	12			70	KHI	Vietnamese
17	LÊ TIẾN HUNG	RP3	13-14	2	9			63	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TUÂN BÌNH	RP3	08-09,12	3	17			63	KHI	Vietnamese
19	LÊ XUÂN VIỆT ANH	RP3	18-19	2	9			72	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH BA	RP3	24	1	10			82	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN BA TRIET	RP3	25	1	13			69	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN TRUNG TIN	RCDM	44	1	13	2	25	89	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	21	1.555	25	154	1	45	18		
2	RCDM	1	89	1	13	2	25	1		
3	RC10	0	0	0	0	1	15	2		
TOTAL		22	1.644	26	167	4	85	21		
WEIGHT KG			1.644		167		85			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

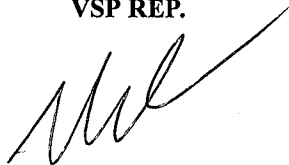
DATE: 12/11/2024		TO: BK9 - P4		AIRCRAFT: 406				ETD: 09:55		
FLIGHT: 05		FROM: VT		CREW: HÙNG - HTRUNG - TÚ				ETA: 11:45		
CAM-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM THẾ QUANG	BK9	02	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ MINH TÙNG	BK9	79	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	BK9	31	1	14			57	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN AN NINH	BK9	30	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN LÊ HUY	P4	13	1	6	3	50	71	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN PHÚC	P4	57	1	5	5	44	71	KHI	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC DUY	P4	62	1	4			60	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN MẠNH	P4						57	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	63-64	2	13			71	KHI	Vietnamese
10	OVCHARENKO ANDREI	P4	53	1	7			82	KHI	Russian
11	VITALY ZAGUDAEV	P4	55	1	5			79	KHI	Russian
12	LÊ VĂN HOÀN	P4	49	1	3			70	KHI	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	16	1	5			78	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NAM	P4	54	1	5			71	KHI	Vietnamese
15	LÊ QUANG VINH	P4	17	1	9			69	KHI	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	56	1	9			68	KHI	Vietnamese
17	DƯƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	65	1	3			67	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN CHUÔNG	P4	14-15	2	16			62	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH VĂN THAI	P4	58-59	2	15			69	KHI	Vietnamese
20	LÊ VĂN THANH	P4	39	1	9			72	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN HUY HOÀNG	P4	60-61	2	10			76	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P4	43	1	6			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK9	4	276	4	54	0	0	0		
2	P4	18	1.268	21	130	8	94	22		
TOTAL		22	1.544	25	184	8	94	22		
WEIGHT KG			1.544		184		94			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2024	TO: RP2 - TD2 - P10	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	FIRSOV EVGENII	RP2	34	1	8			106	KHOAN	Russian
2	TRẦN VĂN BÌNH	RP2	32	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH TÍNH	RP2	33	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG TRUNG HIEU	RP2						73	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ THANH NGỌC	RP2	38	1	12			49	KHOAN	Vietnamese
6	SIDORSKIY DMITRY	RP2	27	1	9			95	ANTOAN	Russian
7	PHAN VĂN THANH	RP2	30-31	2	11			71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC TUÂN	RP2	35-36	2	14			79	KHOAN	Vietnamese
9	HUYNH TRUNG NGHIA	RP2	37	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHÚ	RP2	41	1	12	2	25	78	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG ĐỊNH	RP2	39	1	12	1	13	68	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TÚ	RP2	42-43	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI NGOC THANG	RP2	44	1	13			50	XAYLAP	Vietnamese
14	CAO ĐẠC DAN	TD2	95-96	2	19			70	CODIEN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN DŨNG	TD2	02-03	2	21	1	11	53	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN MẠNH	TD2	97-98	2	8			80	CODIEN	Vietnamese
17	ĐO XUAN THANG	TD2	01,99	2	19	2	50	86	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN THAI AN	TD2	88	1	13			73	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD2	89	1	8			63	DVL	Vietnamese
20	VŨ ĐỨC HUNG	TD2	90-91	2	15			96	T-TIN	Vietnamese
21	VU THE TUNG	TD2	92-93	2	10	1	10	70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	13	948	15	136	3	38	8	6	CHUYEN 6 PAX RP2-TD2
2	TD2	8	591	14	113	4	71	8		
3	P10	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		21	1.539	29	249	7	109	22		
WEIGHT KG			1.539		249		109			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2024	TO: AMD - P4 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - HIẾU	ETA: 12:00
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	STANLEY FUREY	AMD	81-82	2	19			102	UK	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC TAN	AMD	87	1	6			74	TLJOC	Vietnamese
3	TRƯỜNG XUAN CHI	AMD	66	1	6			69	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN NHU BAO CHUÔNG	AMD	64	1	5	4	75	81	KH-THAC	Vietnamese
5	TRỊNH VĂN PHA	AMD	80	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	83	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THUY	AMD	85-86	2	14			76	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	74	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
9	YA LỘC	AMD	79	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC VIỆT	AMD	67	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI BA HUNG	AMD	63	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	69-70	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TUẤN ANH	AMD	75	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THƯỢNG	AMD	68	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BA QUÂN	AMD	71-72	2	11			79	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN THANH MAI	AMD	73	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN PHẠNG	AMD	78	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ TRUNG HIẾU	AMD	65	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU NHAN	AMD	84	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG PHÁT	AMD	76-77	2	12			75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ MINH PHƯƠNG	P4	61-62	2	19			87	ANTOAN	Vietnamese
22	TRẦN VĂN TRUNG	P4	60	1	12	1	20	62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	20	1.425	25	164	4	75	16		
2	P4	2	149	3	31	1	20	5		
3	TD3	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.574	28	195	5	95	22		
WEIGHT KG			1.574		195		95			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: NKHANH - TRINH	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN NGÔ HOÀN	T.UNG	83	1	5	3	25	66	YTE	Vietnamese
2	ĐOÀN NGỌC THUỜNG	T.UNG	47	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC BÌNH	T.UNG	51	1	6			67	PVEP ITC	Vietnamese
4	NGUYEN NGỌC HIẾU	T.UNG	53	1	8			66	PVEP ITC	Vietnamese
5	ZELENSKYI A.I.	T.UNG	50	1	6			80	KH-THAC	Russian
6	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	55-56	2	7			78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VIỆT TUNG	T.UNG						73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG DUƠNG	T.UNG	54	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
9	VU DUY DUNG	T.UNG	82	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH NAM	T.UNG	84-85	2	9			74	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THI	T.UNG	45-46	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ HUNG DUNG	T.UNG	86	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	52	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN QUANG HOA	T.UNG						72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM TÚ ANH	T.UNG	49	1	12			67	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN CAO TUẤN	T.UNG	87	1	10			67	CODIEN	Vietnamese
17	HÀ QUANG HUY	T.UNG	88	1	8			66	CODIEN	Vietnamese
18	NÔNG MINH HẢI	T.UNG	48	1	13			72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	18	1.296	19	128	3	25	19		
TOTAL		18	1.296	19	128	3	25	19		
WEIGHT KG			1.296		128		25			

GRAND TOAL: 1.449 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 1800kgs (Tiền)

pc lấy đủ MR



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2024	TO: PPD - BK8	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LINH - N.CƯỜNG - VŨ	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN DINH THANG	PPD	53	1	8	6	100	51	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH BA NINH	PPD	49	1	2			56	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ QUANG HUY	PPD	50	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHUONG	PPD	47	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	51	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	45	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC CƯ	PPD	52	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ANH TUÂN	PPD	48	1	16			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN HOP	PPD	54	1	10			60	KHI	Vietnamese
10	HOANG CONG ĐỨC	PPD	59	1	11	2	23	60	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC PHÚC	PPD	36	1	6			54	KHI	Vietnamese
12	PHẠM HOANG PHONG	PPD	58	1	9			67	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HAO	PPD	60	1	9			75	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CHAU	PPD	37-38	2	20			65	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HUU BAO	PPD	41	1	12			65	KHI	Vietnamese
16	PHAN TRAN NGHIA	PPD	57	1	8	1	15	69	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LAM	PPD	46	1	9			93	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DINH LAM	PPD	40	1	8			80	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD						86	KHI	Vietnamese
20	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	39	1	6			60	KHI	Vietnamese
21	LUU VAN CHIEN	PPD	55-56	2	12			71	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	21	1.403	22	163	9	138	10		
2	BK8	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		21	1.403	22	163	9	138	20		
WEIGHT KG			1.403		163		138			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2024	TO: RP3 - RP2 - BK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HUY	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM ĐÌNH HAI	RP3	48	1	5			80	KHI	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN LỊCH	RP3	47	1	10			56	KHI	Vietnamese
3	TRẦN QUYẾT TIẾN	RP3	49	1	8	4	35	68	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN THIÊN TÀI	RP3	45-46	2	17			81	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH NAM	RP3	33-34	2	10	1	4	74	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG TRỌNG THỨC	RP3	82	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC ĐIỀU	RP3	35	1	10	1	12	78	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	RP3				1	22	69	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI CAO ĐÌNH	RP3	40	1	6			60	PSV	Vietnamese
10	LÊ TIẾN THÀNH	RP3	41-42	2	7			58	PSV	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH QUANG	RP3	44	1	6			71	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH TRUNG	RP3	37	1	3			79	NHATHAU	Vietnamese
13	PHẠM HỒ HAI	RP3	38-39	2	19			71	NHATHAU	Vietnamese
14	LÊ VĂN BÌNH	RP2	52	1	10	1	13	58	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ VĂN HIỆP	RP2	45-46	2	18			89	XAYLAP	Vietnamese
16	PHÙNG QUỐC VIỆT	RP2	54	1	19			83	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ QUỐC HUƠNG	RP2	51	1	12			73	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ XUÂN VIỆT	RP2	57	1	12	2	35	67	XAYLAP	Vietnamese
19	HOÀNG XUÂN HUY	RP2						59	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	RP2	55	1	10	1	12	63	XAYLAP	Vietnamese
21	KIM VĂN TÍNH	RP2	47-48	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LINH	RP2	49-50	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	13	916	16	112	7	69	0		
2	RP2	9	614	11	119	4	60	13		
3	BK3	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	1.530	27	231	11	129	21		
WEIGHT KG			1.530		231		129			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2024	TO: TGTH1 - AMD	AIRCRAFT: 614	ETD: 15:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: NKHANH - VLINH	ETA: 16:50
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUANG LONG	TGTH1	46	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	47	1	11			66	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NGHIA	TGTH1	50-51	2	15			64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG DUY	TGTH1	48-49	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUAN THIN	AMD	04	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CHÍ CƯỜNG	AMD	05	1	13			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	AMD	06	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DOANH	AMD	01-02	2	9			66	PSV	Vietnamese
9	LÊ VĂN THIÊN	AMD	03	1	8			66	PSV	Vietnamese
10	HỒ THE BÌNH	AMD	13-14	2	16			61	PHATECO	Vietnamese
11	NINH QUỐC KHANH	AMD	07-09	3	15	3	15	80	PHATECO	Vietnamese
12	LÊ VIỆT QUỐC HUY	AMD	97-98	2	16			72	PHATECO	Vietnamese
13	VÔ MINH TRI	AMD	94	1	8			94	PHATECO	Vietnamese
14	TRẦN CÔNG MINH	AMD	12	1	14			78	PHATECO	Vietnamese
15	LÊ ANH HOÀNG	AMD	99,900	2	14			84	PHATECO	Vietnamese
16	PHẠM THE ANH	AMD	92-93	2	17			61	PHATECO	Vietnamese
17	CAO VĂN TÂM	AMD	95-96	2	12			62	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH1	4	267	6	48	0	0	4		
2	AMD	13	925	21	158	3	15	14		
TOTAL		17	1.192	27	206	3	15	18		
WEIGHT KG			1.192		206		15			

GRAND TOAL: 1.413 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN